

## Thể loại các nghề tự do:

### Các nghề catalog, các nghề tương tự, các nghề hoạt động

**Các nghề catalog** là các nghề và nhóm nghề dưới đây, được liệt kê trong Luật Thuế Thu Nhập (Einkommenssteuergesetz EStG). Các nghề / nhóm nghề đánh dấu \* cũng được liệt kê trong Luật Doanh Nghiệp Hợp Tác (PartnerschaftsgesellschaftsgesetzPartGG) (Nguồn: Học Viện Nghề Tự Do ở trường đại học Friedrich Alexander Nürnberg Erlangen)

#### Các nghề điều trị (Heilberufe):

Bác sỹ (Ärzte)  
 Bác sỹ chuyên khoa (Fachärzte)  
 Bác sỹ nha khoa (Zahnärzte)  
 Bác sỹ thú y (Tierärzte)  
 Chuyên viên kỹ thuật nha khoa (Dentisten)  
 Nữ hộ sinh\* (Hebammen)  
 Nhân viên điều trị tự nhiên (Heilpraktiker)  
 Nhân viên vật lý trị liệu (Krankengymnasten)  
 Nhân viên xoa bóp điều trị\* (Heilmasseur)  
 Tâm lý gia tốt nghiệp đại học\* (Diplom-Psychologen)

#### Các nghề tư vấn luật, thuế và kinh tế (Rechts-, steuer- und wirtschaftsberatende Berufe):

Cố vấn viên kinh tế doanh nghiệp (Beratende Volks- u. Betriebswirte)  
 Cố vấn viên thuế vụ (Steuerberater)  
 Công chứng viên (Notare)  
 Luật sư (Rechtsanwälte)  
 Luật sư bản quyền (Patentanwälte)  
 Thanh tra kế toán tuyên thệ (vereidigte Buchprüfer)  
 Thanh tra kinh tế (Wirtschaftsprüfer)  
 Thanh tra sổ sách tuyên thệ (vereidigte Bücherrevisoren)  
 Thành viên của Hiệp Hội Luật Sư\* (Mitglieder der Rechtsanwaltskammern)  
 Ủy viên thuế vụ (Steuerbevollmächtigte)

#### Các nghề khoa học tự nhiên / kỹ thuật (Naturwissenschaftliche / technische Berufe):

Kiến trúc sư (Architekten)  
 Kỹ sư (Ingenieure)  
 Kỹ sư khảo sát địa lý (Vermessungsingenieure)  
 Nhà hóa học thương mại (Handelschemiker)  
 Thẩm định viên chuyên nghiệp\* (Hauptberufliche Sachverständige)  
 Thuyền trưởng (Lotsen)

#### Các nghề truyền đạt ngôn ngữ và thông tin / văn hóa (Sprach- und Informationsvermittelnde Berufe / Kulturberufe):

Biên dịch viên (và các nghề tương tự\*) (Übersetzer)  
 Giáo viên nhà trẻ\* (Erzieher)  
 Giáo viên trường học\* (Lehrer)  
 Ký giả chụp ảnh (Bildberichterstatter)  
 Ký giả viết báo (Journalisten)  
 Khoa học gia\* (Wissenschaftler)  
 Nhà mỹ thuật\* (Künstler)  
 Nhà văn\* (Schriftsteller)  
 Thông dịch viên (Dolmetscher)

## Các nghề tương tự và các nghề hoạt động

(Nguồn: Học Viện Nghề Tự Do ở trường đại học Friedrich Alexander Nürnberg Erlangen)

Báo cáo viên bản quyền (Patentberichterstatte/in)	Chuyên viên khảo sát địa lý, khảo sát mỏ (Markscheider/in, Vermessung im Bergbau)
Cố vấn viên an ninh (Sicherheitsberater/in)	Chuyên viên mẫu quặng (Erzprobennehmer/in)
Cố vấn viên bán hàng (Marketingberater/in)	Chuyên viên mỹ thuật âm nhạc (Tonkünstler/in)
Cố vấn viên doanh nghiệp (Unternehmensberater/in)	Chuyên viên phân tích hệ thống (Systemanalytiker/in)
Cố vấn viên hưu trí (Rentenberater/in)	Chuyên viên tu bổ (Restaurator/in)
Cố vấn viên kinh tế (Wirtschaftsberater/in)	Chuyên viên từ ngữ (Lexikograf/in)
Cố vấn viên tư pháp (Rechtsbeistand)	Chuyên viên từ ngữ (Terminologe/-in)
Cố vấn viên thủ tục tư pháp (Prozessagent/in)	Chuyên viên thiết kế mẫu vải (Textilentwerfer/in)
Chủ nhân nhà trẻ (Kinderheimbetreiber/in)	Chuyên viên thiết kế nội thất (Raumgestalter/in)
Chủ nhân trường lái xe (Fahrschulinhaber/in)	Chuyên viên thiết kế nhà bếp công nghiệp (Planer/in von Großküchen)
Chuyên gia đánh giá (Sachverständige/r)	Chuyên viên vẽ bản đồ (Kartograf/in)
Chuyên gia đánh giá mỹ thuật (Kunstsachverständige/r)	
Chuyên gia đánh giá nhóm máu (Blutgruppengutachter/in)	Dịch vụ thông tin tư pháp (Juristischer Informationsdienst)
Chuyên gia đánh giá thảm họa (Havariesachverständige/r)	Diễn giả tang chế (Trauerredner/in)
Chuyên gia đánh giá thiệt hại xây dựng (Bauschätzer/in (Schadenschätzer/in))	Diễn viên điện ảnh (Schauspieler/in)
Chuyên gia đánh giá xe cơ giới (Kfz-Sachverständige/r)	Diễn viên lồng tiếng (Synchronsprecher/in)
Chuyên gia nghiên cứu thị trường (Marktforscher/in)	
Chuyên viên định chuẩn tàu thuyền (Schiffseichaufnehmer/in)	Giám đốc công trường (Bauleiter)
Chuyên viên kỹ thuật ảnh (Kameramann/-frau)	Giáo viên dạy nhảy (Tanzlehrer/in)
Chuyên viên kỹ thuật âm nhạc (Tontechniker/in)	Giáo viên kỵ mã (Reitlehrer/in)
Chuyên viên kỹ thuật bố trí (Layouter/in)	Giáo viên nhà trẻ (Erzieher/in)
Chuyên viên kỹ thuật chế tạo máy (Maschinenbautechniker/in)	Giáo viên thể thao (Sportlehrer/in)
Chuyên viên kỹ thuật điện (Elektrotechniker/in)	Giáo viên trường học (Lehrer/in)
Chuyên viên kỹ thuật quy hoạch mạng lưới (Netzplantechniker/in)	
Chuyên viên kỹ thuật xây dựng cao tầng (Hochbautechniker/in)	Huấn luyện viên (Trainer/in)
	Hướng dẫn viên du lịch (Informationsfahrtbegleiter/in)
	Hướng dẫn viên miền núi (Bergführer/in)

Kỹ sư cấu trúc (Baustatiker/in)	Nhân viên điều trị vật lý (Physiotherapeut/in)
Kỹ sư địa bàn trên tàu biển (Kompasskompensierer/in auf Seeschiffen)	Nhân viên giải trí và diễn tả trị liệu (Beschäftigungs- und Ausdruckstherapeut/in)
Kỹ sư hóa học y tế (Klinische/r Chemiker/in)	Nhân viên giám sát hàng hóa hoặc nhân viên kiểm tra hàng hóa (Güterbesichtiger/in oder Güterkontrolleur/in)
Kỹ sư xây dựng (Konstrukteur/in)	Nhân viên tẩm trị liệu (medizinische/r Bademeister/in)
Khoa học gia (Wissenschaftler/in)	Nhân viên trang điểm (Visagist/in)
Nữ hộ sinh (Hebamme)	Nhân viên viết quảng cáo (Werbetexter/in)
Nữ y tá (Krankenschwester)	Nhân viên xoa bóp (Masseur/in)
Người điều khiển chương trình, sân khấu (Conférencier, Show- und Quizmaster/in)	Nhân viên xoa bóp điều trị (Heilmasseur/in)
Nhà ảo thuật (Magier/in, Zauberkünstler/in)	Phát ngôn viên đài phát thanh (Rundfunksprecher/in)
Nhà điêu khắc (Bildhauer/in)	Phát ngôn viên truyền hình (Fernsehansager/in)
Nhà điêu khắc đá (Steinmetz/in)	Phụ tá kỹ thuật y tế (Medizinisch-technische/r Assistent/in (MTA))
Nhà mỹ thuật (Künstler/in)	
Nhà nhiếp ảnh (Fotograf/in)	Quan chưởng ấn (Referendar/in)
Nhà phân tích tâm lý (Psychoanalytiker/in)	Quản tài viên (Insolvenzverwalter/in)
Nhà sản xuất phim (Filmhersteller/in)	Quản viên tài sản (Treuhandler/in)
Nhà sản xuất trò chơi đồ (Rätselhersteller/in)	
Nhà sáng chế (Erfinder/in)	Tâm lý gia và bác sỹ tâm lý, kể cả điều trị tâm lý nhi đồng và thanh thiếu niên (Psychologe/-in und Psychotherapeut/in, auch Kinder- und Jugendlichenpsychotherapie)
Nhà sáng tạo thời trang, cổ vấn (Modeschöpfer/in, beratende/r)	Thanh tra hàng hóa (Frachtenprüfer/in)
Nhà toán học kinh tế và bảo hiểm (Versicherungs- und Wirtschaftsmathematiker/in)	Thanh tra phẩm chất thịt (Fleischbeschauer/in)
Nhà tư vấn xử lý dữ liệu điện tử (EDV-Berater/in)	Thiết kế viên (Designer/in)
Nhà thiết kế ảnh (Fotodesigner/in)	Thợ sơn (Họa sỹ) (Maler/in (Kunstmaler/in))
Nhà thiết kế công nghệ (Industriedesigner/in)	Trợ tá cấp cứu và nhân viên trị lác mắt (Rettungsassistent/in und Orthoptist/in)
Nhà thiết kế họa đồ (Grafiker/in)	
Nhà văn (Schriftsteller/in)	Y tá (Krankenpfleger/in)
Nhà văn quảng cáo (Werbeschriftsteller/in)	Y tá ngoại trú (Ambulante/r Krankenpfleger/in)
Nhạc sỹ (Musiker/in)	
Nhạc sỹ giải trí và nhảy đầm (Tanz- und Unterhaltungsmusiker/in)	
Nhạc trưởng (Dirigent/in)	
Nhân viên điều trị nói lắp (Logopäde/-in)	